



PETROVIETNAM FERTILIZER  
AND CHEMICALS CORPORATION

**DAM PHU MY**  
**PACKAGING**  
**JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ:** Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu

**Số điện thoại:** (0254) 3921 999

**Số fax:** (0254) 3921 966

**Website:** [www.dpmp.vn](http://www.dpmp.vn)

**Mã cổ phiếu:** PMP

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ



# 2017

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN







# 23

**TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**



**THÔNG TIN CHUNG**

# 01

# MỤC LỤC



**BÁO CÁO CỦA  
BAN GIÁM ĐỐC**

# 53

# 67

**BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**



# 89

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH  
2017**

**PMP**



**BÁO CÁO  
QUẢN TRỊ  
CÔNG TY**

# 75









**PVFCCo**  
**PACKAGING**

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng, bằng khen tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro

---

# THÔNG TIN CHUNG

---





**Tên tiếng Anh** : DAM PHU MY PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt** : PVFCCo PACKAGING

**Giấy chứng nhận ĐKDN** : 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014.

**Vốn điều lệ** : 42.000.000.000 đồng.

**Vốn chủ sở hữu** : 65.911. 017.831 đồng.

**Địa chỉ** : Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

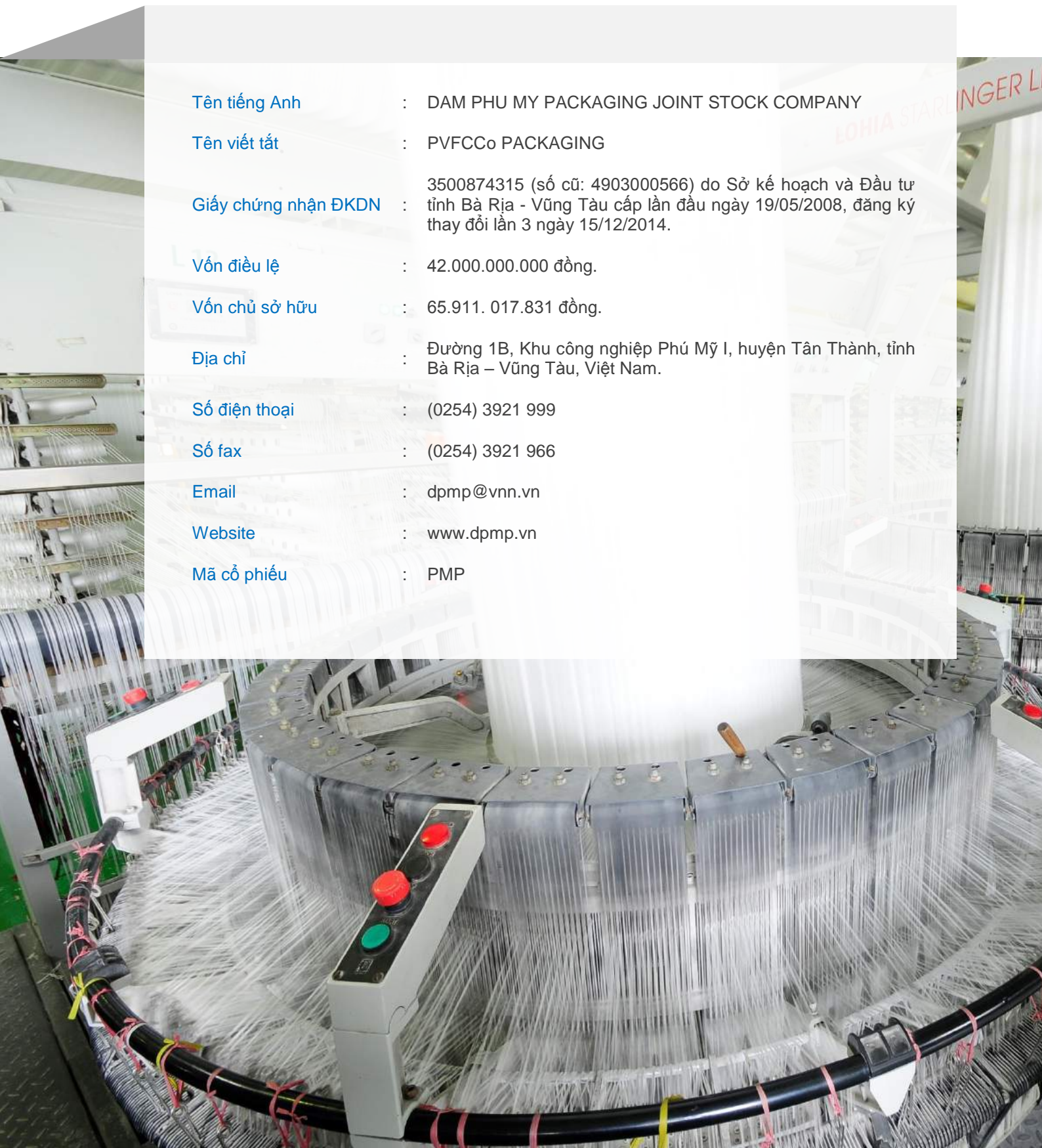
**Số điện thoại** : (0254) 3921 999

**Số fax** : (0254) 3921 966

**Email** : dpmp@vnn.vn

**Website** : www.dpmp.vn

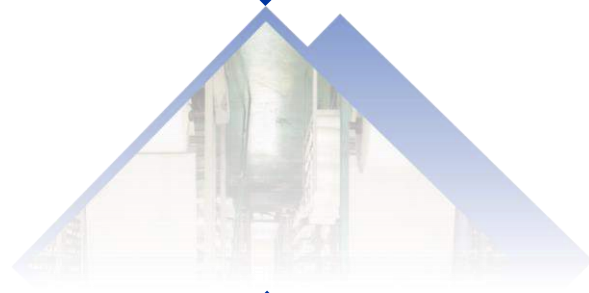
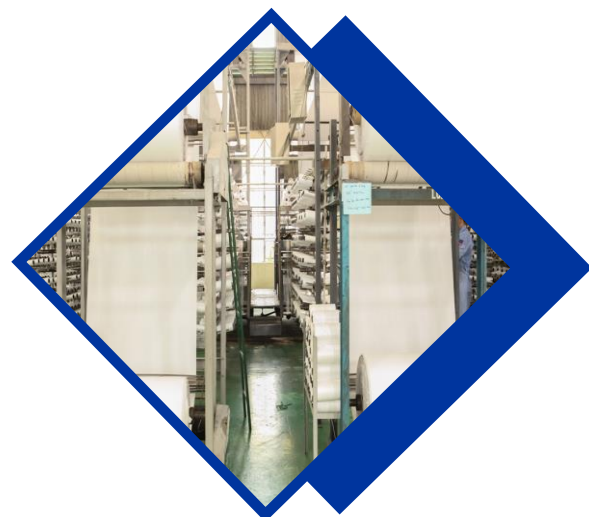
**Mã cổ phiếu** : PMP





# Thông tin khái quát

# PMP





**PMP**

**Quá trình hình thành và  
phát triển**

**Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ**

**“Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì**

**đảm bảo chất lượng,**

**ổn định,**

**giá hợp lý,**

**hiệu quả**

**cho khách hàng”**

Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (Công ty) tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong thuộc Công ty TNHH Hương Phong được khởi công từ ngày 15/12/2003. Đến ngày 01/10/2004, nhà máy Bao bì Hương Phong chính thức đi vào hoạt động.



**2004**



Ngày 20/10/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy sản xuất Bao bì thuộc Dự án mở rộng quy mô và nâng cao năng lực Nhà máy sản xuất Bao bì giai đoạn 2.

Đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 1, bao gồm dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch.

2010

2016



2008

Nhà máy Bao bì Hương Phong hoàn tất chuyển đổi sang mô hình hoạt động là Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở hợp tác giữa Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để cử doanh nghiệp trực thuộc là Công ty Hương Phong và Công ty con là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí tham gia góp vốn thành lập.

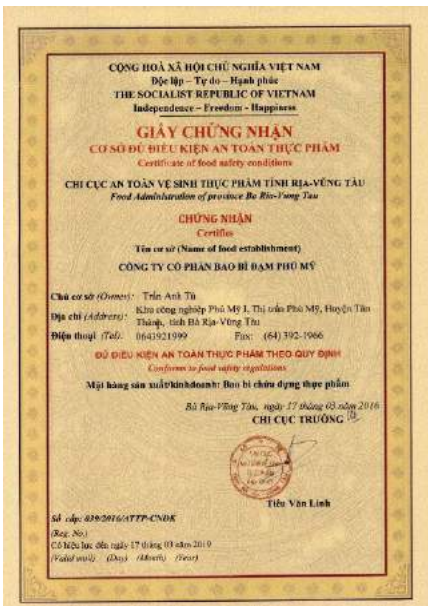
2015

- Ngày 22/05/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 400/QĐ-SGDHN.



# PMP

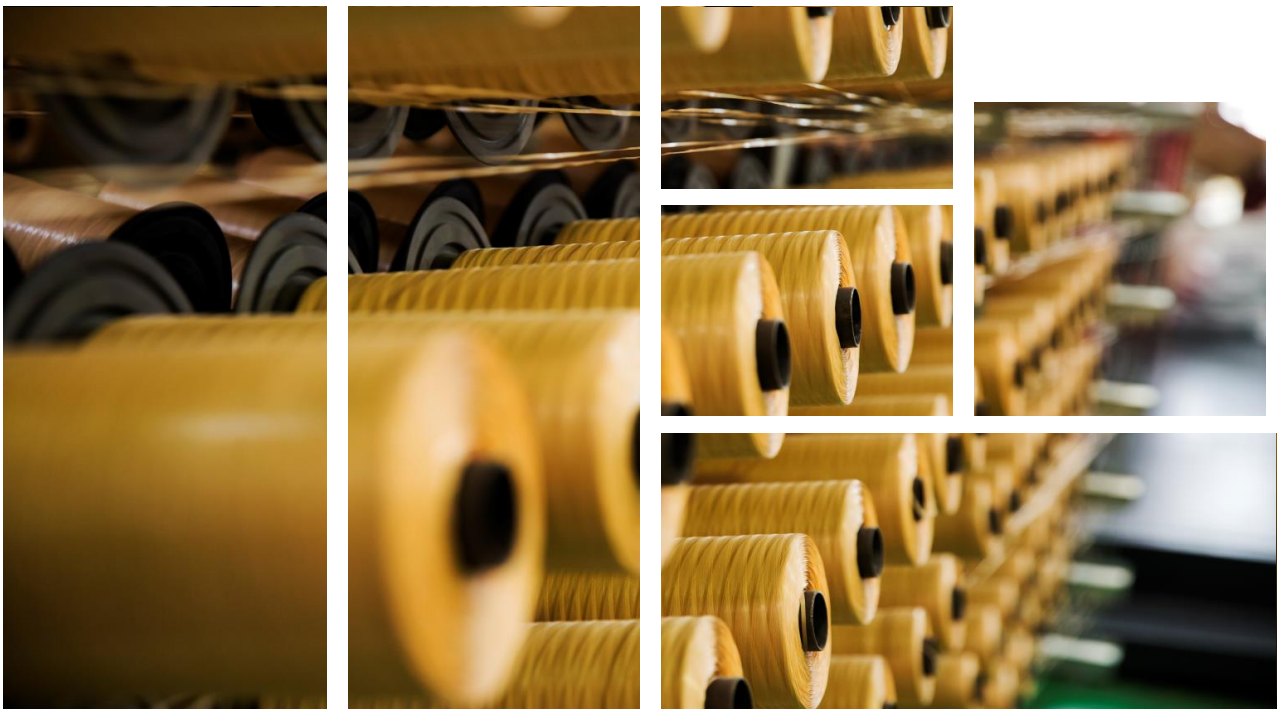
## Các chứng nhận tiêu biểu



## Ngành nghề kinh doanh

PMP

- Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
- Mua bán nhiên liệu động cơ;
- Vận tải bằng ô tô;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
- Cho thuê kho bãi;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in...



**PMP**

**Địa bàn hoạt động**

Cung cấp cho các đơn vị trong nước và xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như sau:

- Bao PP chứa phân bón/nông sản: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản như: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Nhà Máy Đạm Phú Mỹ, Công ty TNHH Bao CP Việt Nam, phân phối lại cho các nhà cung cấp bao bì khác ở nước ngoài,....



- Túi xách siêu thị: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: như Lotte Việt Nam, Carrefour tại Pháp, Bunzl tại Anh và một số khách hàng lẻ tại Châu Âu.

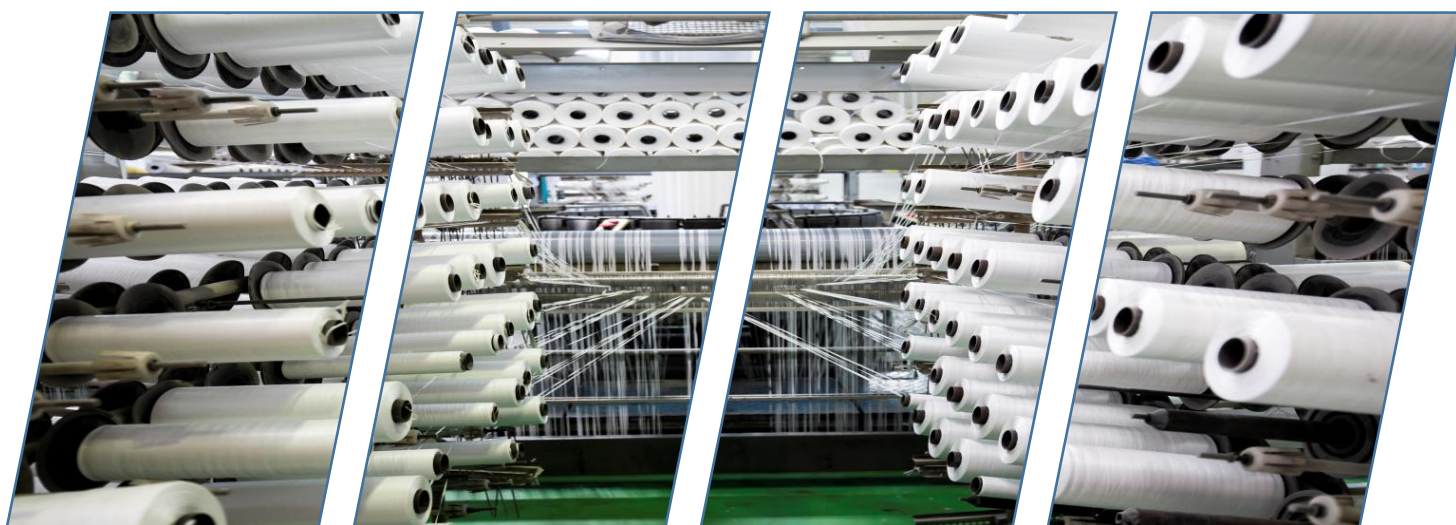




- Bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: ở trong nước hiện tại Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, các Công ty sản xuất mùn cưa, Công ty Than khoáng sản, PV Coating,.... thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Ý, Anh, Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, ...



- Các loại bao bì PP, cuộn vải dệt PP dạng ống, dạng manh, bao Jumbo đang xuất khẩu sang thị trường: Chi Lê, Brasil, Mỹ, Costa Rica, Pháp, Bồ Đào Nha, Ukraina, Indonesia, Malaysia, Thái Lan,...



**PMP**

**Sơ đồ tổ chức**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

PHÒNG  
TỔ  
CHỨC  
HÀNH  
CHÍNH

PHÒNG  
KẾ  
HOẠCH  
VẬT TƯ

PHÒNG  
KINH  
DOANH

PHÒNG  
TÀI  
CHÍNH  
KẾ  
TOÁN

PHÒNG  
KỸ  
THUẬT

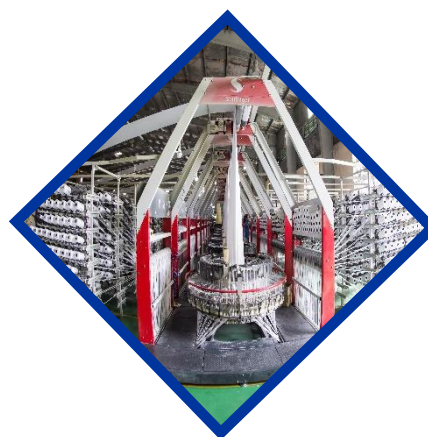
PHÂN  
XƯỞNG  
CƠ ĐIỆN

PHÂN  
XƯỞNG  
TẠO SỢI

PHÂN  
XƯỞNG  
SẢN  
PHẨM

*Các chi nhánh, công ty con*

Không có.



### **Mô hình quản trị**

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:

**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị (HĐQT):** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

**Ban Giám đốc (BGĐ):** bao gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

**Ban kiểm soát (BKS):** Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.







PETROVIETNAM FERTILIZER  
AND CHEMICALS CORPORATION  
**DAM PHU MY**  
**PACKAGING**  
JOINT STOCK COMPANY

Định hướng phát triển: Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

#### *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

- Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
- Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
- Phát triển dòng sản phẩm mới BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất.





### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
- Phân đầu trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
- Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
- Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
- Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng.
- Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
- Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả và nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.

### **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

- Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
- Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.







Sự phát triển của toàn nền kinh tế ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, các doanh nghiệp.

## Rủ ro kinh tế

Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn, là những động lực thúc đẩy các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng.

Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ, ... Đây chính là những khách hàng tiềm năng cần khai thác của Công ty.

## Các nhân tố rủi ro

PMP

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đó, các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với giá thịt lợn giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và là các thách thức, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế nước ta trong năm 2017.

Về các doanh nghiệp trong ngành nhựa, hưởng lợi từ giá nguyên liệu đầu vào sụt giảm trong giai đoạn 2015-2016 do giá dầu thế giới giảm, các doanh nghiệp nhựa trong nước mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị, gia tăng sản lượng và cải thiện đáng kể biên lợi nhuận. Ngoài ra, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện, cùng với cơ cấu dân số trẻ kết hợp tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ dân trung lưu gia tăng và thói quen sử dụng bao bì nhựa là những động lực chính cho ngành nhựa bao bì. Hơn thế nữa, nhu cầu của ngành hàng tiêu dùng được dự báo sẽ tiếp tục ổn định sẽ là tín hiệu tốt cho đầu ra của ngành nhựa bao bì trong nước.







## Rủi ro lãi suất

Công ty cần một lượng lớn vốn để đầu tư, mua sắm, nâng cấp máy móc hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, bổ sung nguồn vốn lưu động. Các khoản này ngoài việc được tài trợ từ một phần vốn tự có của Công ty thì cũng đến từ khoản vay ngân hàng. Việc này làm phát sinh rủi ro lãi suất.

Trong năm 2017, lãi suất cho vay đối với khu vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 11%/năm. Mặc dù thanh khoản hệ thống khá tốt, các điều kiện vĩ mô tương đối thuận lợi, lãi suất có tín hiệu giảm nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng của Chính phủ.

Một số nguyên nhân có thể kể đến như thị trường tiền gửi và thị trường liên ngân hàng kém liên thông.

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá thấp trong khi lãi suất trên thị trường tiền gửi giảm không nhiều, do thanh khoản dồi dào trên thị trường tập trung chủ yếu ở các tổ chức tín dụng lớn. Một số tổ chức tín dụng nhỏ hoặc thuộc diện tái cơ cấu thiếu vốn vẫn khó khăn trong việc cận dòng vốn lãi suất thấp trên thị trường liên ngân hàng, buộc phải giữ nguyên hoặc tăng lãi suất huy động trên thị trường tiền gửi. Ngoài ra, nợ xấu cũng vẫn là rào cản lớn cho việc hạ lãi suất trong năm 2017.



Đặc thù nổi bật của ngành Nhựa Việt Nam là phải nhập khẩu đến 80% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm.

Trong khi đó, giá nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu Nhựa luôn có sự biến động theo sự biến động của giá dầu trên thế giới, tạo sức ép lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nhựa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ không nằm ngoài đặc điểm chung đó. Ngoài nhập khẩu nguyên vật liệu, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.

**Rủi ro  
tỷ giá**

**RISK**





## Rủ ro luật pháp



Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của CÔNG TY chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Bên cạnh đó, một số văn bản, quy phạm pháp luật đặc trưng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành nhựa nói chung và Công ty nói riêng là:

- Nghị định số 69/2012/NĐ-CP: quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường liên quan đến bao bì nhựa. Nghị định mô tả các mặt hàng bao bì nhựa thuộc diện chịu thuế Bảo vệ môi trường được sản xuất từ nguyên liệu HDPE, LDPE, LLDPE.
- Nghị định 122/2016/NĐ-CP: quy định Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan. Trong đó quy định chi tiết về mức thuế nhập khẩu nguyên liệu PP (HS 3902) như sau:
  - ✓ Kể từ ngày 01/9 – 31/12/2016 : Thuế nhập khẩu PP là 1%
  - ✓ Kể từ ngày 01/01/2017 : Thuế nhập khẩu PP là 3%
- Thông tư 21/2016/TT-BCT: quy định thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu.
- Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT: của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận túi ni lông thân thiện với môi trường.
- Quyết định 1621/QĐ-TTg: về quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- Quyết định 9028/QĐ-BCT: quy hoạch tổng thể phát triển Công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- Quyết định 2992/QĐ-BCT: quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- Công văn 8170/BTC-CST: Miễn thuế xuất nhập khẩu nhựa được tái chế từ chất thải nguy hại.

Những thay đổi từ chính sách, pháp luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.



Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì phục vụ cho các ngành sản xuất xi măng, phân bón, tiêu dùng, bán lẻ,... Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty bao gồm hạt nhựa PP (Poly Propylen) và PE (Poly Etylen).

Vấn đề tồn tại hiện nay đó chính là khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước còn thấp. Trong nước hiện chưa sản xuất được PE, sản được 15% nhu cầu PP, 30% nhu cầu PET, 50% nhu cầu PVC. Tổng nguyên liệu nhựa sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu mỗi năm, 80% còn lại phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu khiến các doanh nghiệp nhựa trong nước khó chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh khi giá nguyên liệu nhập khẩu luôn chịu tác động bởi biến động giá các nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, khí thiên nhiên hay than đá kèm với đó là vấn đề tỷ giá. Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu nhựa PE, PP từ Trung Đông, Đông Bắc Á. Từ 01/01/2017, thuế suất nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP tăng từ 1% lên 3% sẽ gây áp lực chi phí đầu vào lên các doanh nghiệp sản xuất bao bì PP trong nước, chính sách này nhằm bảo hộ doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa PP trong nước (Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn).







Mỗi năm, ngành nhựa Việt Nam xuất khẩu khoảng 2 tỷ USD các mặt hàng nhựa, trong đó chủ yếu là nhóm nhựa bao bì có giá trị gia tăng thấp. Theo thống kê của VPA, hiện trong nước có khoảng 2.000 công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa, trong đó chủ yếu là các công ty nhỏ và vừa.

Ngành nhựa bao bì nói riêng và ngành nhựa nói chung là ngành phân tán nên không có công ty nào đủ khả năng chi phối các công ty còn lại, nhưng số lượng công ty lớn cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Trong đó, cạnh tranh chủ yếu theo vùng miền, các công ty nhựa hầu hết tập trung tại khu vực miền Nam (chiếm 80%), còn lại là ở miền Bắc (15%) và miền Trung (5%). Do vậy các công ty phía Nam sẽ gặp phải cạnh tranh nhiều hơn là các công ty nằm ở khu vực miền Bắc và miền Trung..

## Rủi ro Cạnh tranh

Ngành nhựa trong nước có mức độ cạnh tranh tương đối cao khi các doanh nghiệp trong ngành phải chịu sức ép từ phía nhà cung cấp nước ngoài khi phụ thuộc 80% vào nguyên liệu nhập khẩu, thiếu tự chủ về nguồn nguyên liệu khiến các doanh nghiệp càng cần đẩy mạnh chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng.

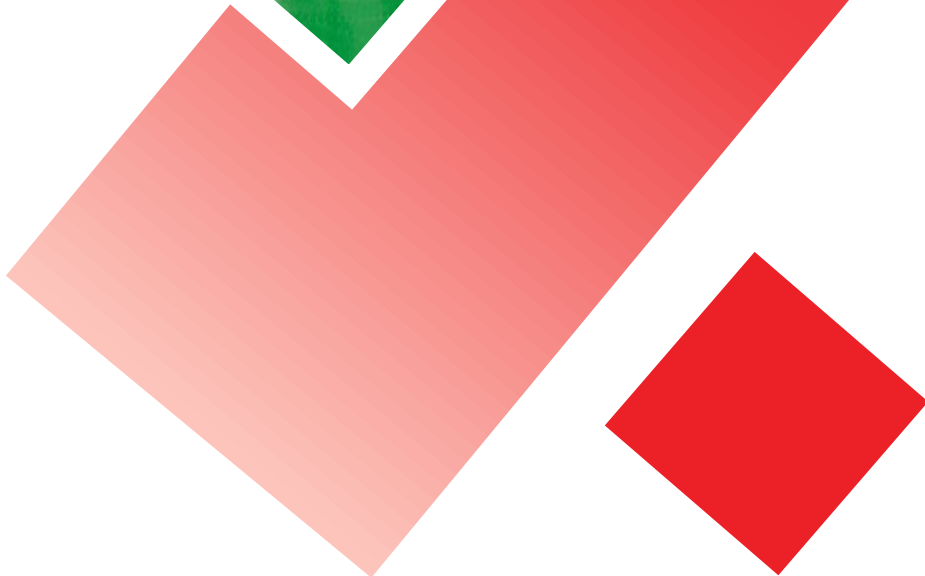
Mức độ khác biệt giữa các sản phẩm nhựa trong nước không cao, khách hàng có thể dễ dàng chuyển đổi nhà cung ứng mà không phải chịu nhiều chi phí do đó khiến vị thế của doanh nghiệp đối với khách hàng mục tiêu tương đối thấp. Bên cạnh đó, với quy mô và tiềm năng của thị trường tiêu dùng cũng như cơ sở hạ tầng, ngành nhựa Việt Nam có sức hút tương đối lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài (với công nghệ và nguồn vốn lớn) liên tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, thu hút các doanh nghiệp nhựa trong nước. Hiện nay, xuất khẩu các sản phẩm nhựa của Việt Nam chủ yếu đến từ những công ty FDI (chiếm 60% về giá trị xuất khẩu), điều này cho thấy khả năng xuất khẩu của các công ty nội địa còn thấp, vì thế thị trường tiêu thụ trong nước sẽ chứng kiến sự cạnh tranh ngày một cao.

## Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.







- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

---

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

---





PMP

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm năm 2017

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Doanh thu bán thành phẩm	253.077	350.095	38,34%
Doanh thu bán hàng hóa	32.036	46.607	45,48%
Doanh thu khác	1.281	494	-61,44%
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.394</b>	<b>397.196</b>	<b>38,69%</b>

### Cơ cấu chi phí

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
1	Giá vốn hàng bán	245.138	347.340	41,69%
2	Chi phí tài chính	3.048	4.617	51,45%
3	Chi phí bán hàng	7.778	9.622	23,71%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.680	21.759	23,07%

### Các chỉ tiêu lợi nhuận

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
5	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	12.944	13.446	3,88%
6	Lợi nhuận khác	79	2.015	2454,63%
7	Lợi nhuận trước thuế	13.023	15.461	18,72%
8	Lợi nhuận sau thuế	10.348	11.900	15,00%

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều điểm sáng. Với doanh thu thuần tăng từ 286,39 tỷ đồng lên 397,20 tỷ đồng, tương đương 38,69%. Trong đó, tỷ trọng doanh thu từ bán thành phẩm chiếm 88,14%, đa số trong cơ cấu doanh thu thuần.

Bên cạnh đó, với đặc trưng của ngành nghề sản xuất nhựa bao bì đòi hỏi vốn đầu vào lớn như đầu tư máy móc, duy tu thiết bị, giá nguyên vật liệu đầu vào cao nên tổng chi phí luôn chiếm hơn 95% tổng thu nhập. Hiểu rõ vấn đề đặc thù trên, Công ty luôn áp dụng nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí đến mức thấp nhất để tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, một phần đóng góp lớn vào mức tăng lợi nhuận trước và sau thuế trong năm còn đến từ việc trong quý III/2017, Công ty đã thực hiện bán thanh lý tài sản, dẫn đến lợi nhuận khác tăng thêm gần 2 tỷ đồng. Kết quả, các chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty tăng lần lượt 18,72% và 15% so với năm 2016.





**PMP**

**Tổ chức và nhân sự**

**Danh sách Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Hiến	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Trần Anh Tú	Thành viên	Thành viên điều hành
3	Lê Hồng Quân	Thành viên	Thành viên không điều hành
4	Trần Thị Hồng Quyên	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên	Thành viên không điều hành



## ÔNG PHẠM VĂN HIỀN – CHỦ TỊCH HĐQT

- Ngày sinh: 04/10/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1979-08/1981	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Nhân viên cơ yếu
Từ 09/1981-03/1984	Trường Cơ yếu Hà Nội	Học viên
Từ 04/1984-04/1985	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Cán bộ Cơ yếu
Từ 05/1985- 12/1988	Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo – Cán bộ Cơ yếu	Bí thư Chi đoàn
Từ 01/1989- 10/1992	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo, Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Cán bộ Cơ yếu
Từ 11/1992–02/2003	Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Trưởng phòng Cơ yếu, Chi ủy viên Chi bộ tổng hợp
Từ 03/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 208.280 cổ phần; chiếm 4,96% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ
  - Những người có liên quan

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%





## ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 26/05/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT (liên doanh Ngân hàng Quốc tế Việt Nam và Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự)	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 - 06/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 - nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 812.300 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 19,34% Vốn điều lệ
  - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,24%
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,24%
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,24%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

## ÔNG LÊ HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 20/10/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 - nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ
  - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%





## BÀ TRẦN THỊ HỒNG QUYÊN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ngày sinh: 18/09/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2003 - 2012	Nhà máy Sản xuất Bao bì Hương Phong, nay là CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó phòng Kế hoạch Vật tư
2012 – 02/2016	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư
02/2016 - Nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% Vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: không sở hữu cổ phiếu



## BÀ HỒ THỊ MINH HÒA – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/10/1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/2003 – 03/2005	Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 04/2005 – 01/2006	Công ty TNHH Hương Phong	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 02/2006- 02/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Thư ký Giám đốc
Từ 03/2008- 10/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 11/2008 - 03/2011	Công ty TNHH Hương Phong	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ tháng 03/2011 - nay	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2009 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 208 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%



### Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Phạm Văn Khánh	Thành viên Ban kiểm soát	270	0,006%





## ÔNG CHU XUÂN HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 22/12/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
Từ 06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
Từ 07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng DN
Từ 06/2010- 06/2011	Ngân hàng TMCP Liên Việt - Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
Từ 08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh nghiệp
Từ 10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%



## BÀ NGUYỄN THỊ THU OANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 20/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1996 - 05/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
Từ 05/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
Từ 10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.000	43,34%



## **ÔNG PHẠM VĂN KHÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ 09/1986 – 08/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
Từ 09/1989 – 08/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng KH - KD
Từ 09/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Học đại học và là Nhân viên phòng KH - KD
Từ 01/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng KH - KD
Từ 01/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
Từ 06/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp
12/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
Từ 05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán - Công ty TNHH Hương Phong
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

<b>Tên người có liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%





### Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Trần Anh Tú	Giám đốc	832.300	19,82%
2	Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc	12.000	-
3	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	4.600	0,11%

### ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH THANH – PHÓ GIÁM ĐỐC

- Ngày sinh: 18/10/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991-1992	Nhà máy Z171 Bộ quốc phòng	Tổng cục kỹ thuật – Phó quản đốc xưởng cơ khí
Từ 1992-1994	Nhà máy Z171 Bộ quốc phòng	Tổng cục kỹ thuật – Trưởng phòng Hành chính quản trị
Từ 1994 - 2001	Nhà máy Bao bì Nhựa Quân khu 4	Trưởng Ban kỹ thuật công nghệ
Từ 2001 - 2004	Công ty DV-CN Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
Từ 7/2004 - 5/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 5/2008 - 12/2008	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc
Từ 2009 - 2012	Công ty Cổ phần Bao bì Đồng Phú	Phó Giám đốc
Từ 2012 - 7/2013	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chuyên gia
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trương Đình Xuân	Em ruột	12.000	0,29%

## **ÔNG CAO VĨNH HẬU – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Ngày sinh: 20/07/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ 1/2002 - 6/2003	Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
Từ 7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
Từ 11/2004 - 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
Từ 2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11%% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

<b>Tên người có liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ nắm giữ (%)</b>
Đặng Thị Thanh Thúy	Vợ	5.000	0,12%
Cao Thị Mỹ Linh	Em ruột	3.000	0,07%

## **Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2017**

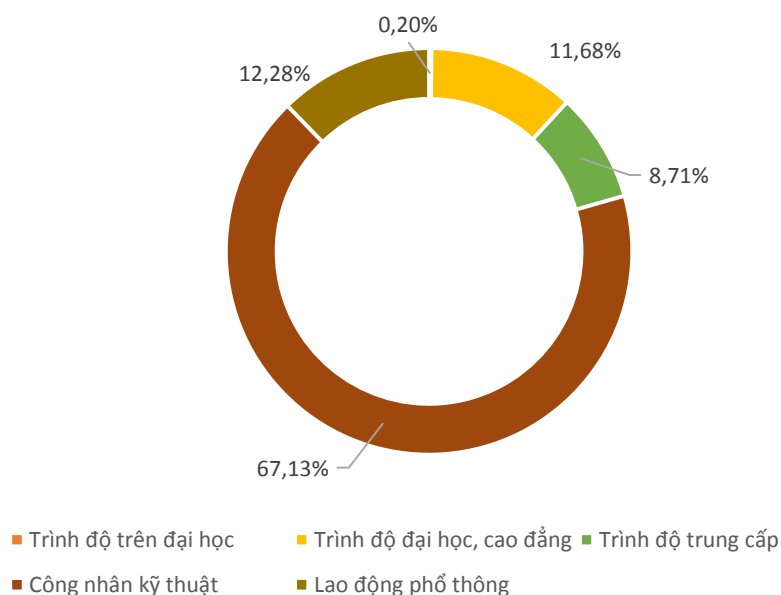
Ngày 30/05/2017, HĐQT Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã ký quyết định thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Phạm Ngọc Thiệp. Lý do: Ông Phạm Ngọc Thiệp chuyển công tác và chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty.



## Số lượng cán bộ công nhân viên

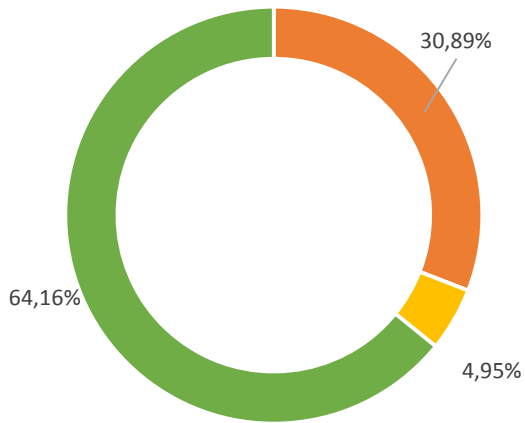
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>505</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ trên đại học	1	0,20%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	59	11,68%
3	Trình độ trung cấp	44	8,71%
4	Công nhân kỹ thuật	339	67,13%
5	Lao động phổ thông	62	12,28%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>505</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	156	30,89%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	25	4,95%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	324	64,16%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>505</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	200	39,60%
2	Nữ	305	60,40%

### Theo trình độ lao động



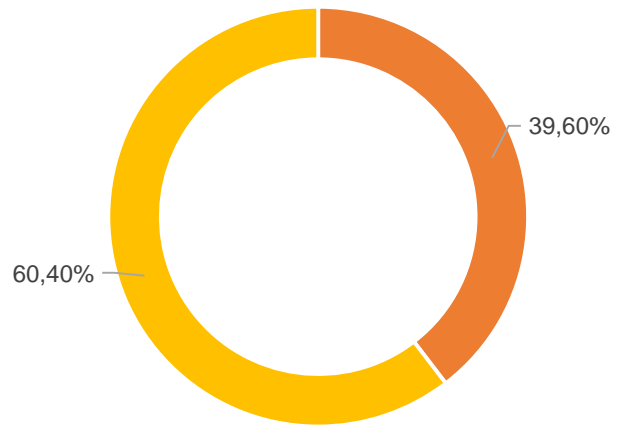


## Theo loại hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

## Theo giới tính



- Nam
- Nữ

## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng người lao động (người)	375	398	468	505
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.150.000	7.330.000	7.510.000	7.250.000



*Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công của PMP*

### Chính sách nhân sự

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với công ty, Công ty đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.



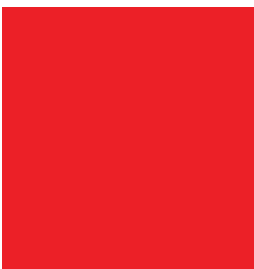
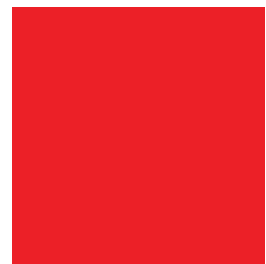




PMP

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Không thực hiện



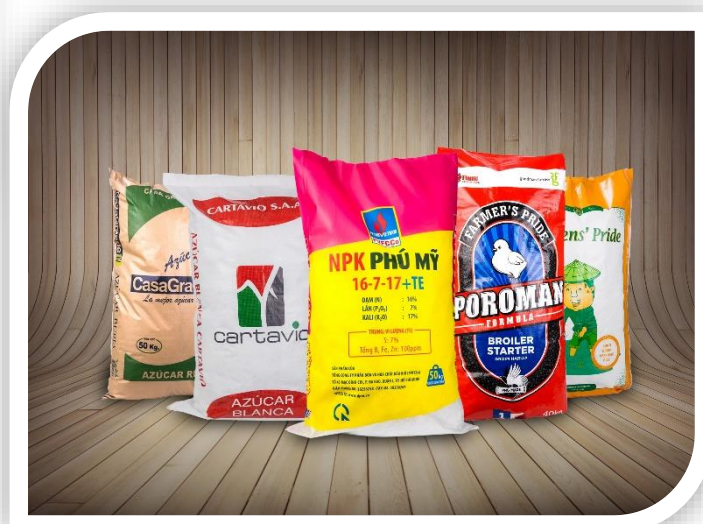
## Tình hình tài chính

# PMP

### Tình hình tài chính

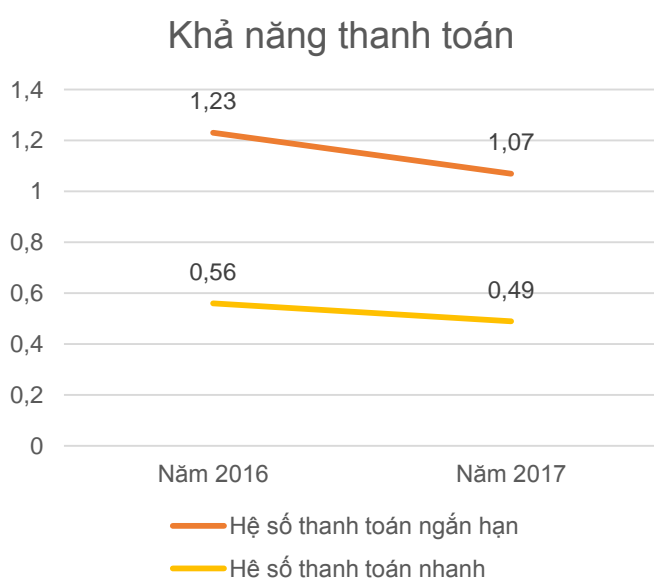
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	142.893	196.875	37,78%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	286.394	396.111	38,31%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	Triệu đồng	12.944	13.446	3,88%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	79	2.015	2454,63%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.023	15.461	18,72%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.348	11.900	15,00%



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

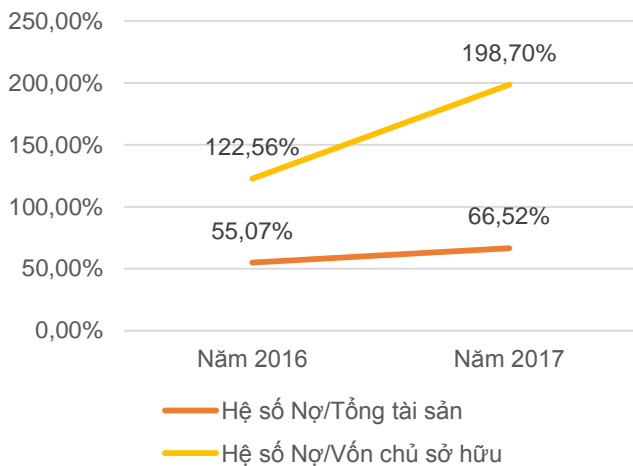
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,49
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,07%	66,52%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	122,56%	198,70%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,62	5,93
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,14	2,33
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,61%	3,00%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,29%	18,29%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,74%	7,01%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,52%	3,39%



**Về khả năng thanh toán:** Cùng với việc nợ ngắn hạn tăng mạnh từ khoản phải trả người bán và khoản vay ngắn hạn, các chỉ tiêu về thanh toán và thanh toán nhanh của Công ty có phần sụt giảm. Trong đó với khoản phải trả người bán tăng chủ yếu đến từ NH International Corp, VINOMIG Singapore PTE., Ltd và Công ty TNHH MTV nhựa Châu Âu Nghệ An. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, Công ty đã thực hiện vay thêm các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Mặc dù có giảm, tuy nhiên các chỉ tiêu vẫn ổn định ở mức cao, cùng với kế hoạch chi trả khoản nợ gốc và lãi vay được tính toán cẩn thận, nên các rủi ro về thanh toán của Công ty là trong tầm kiểm soát.

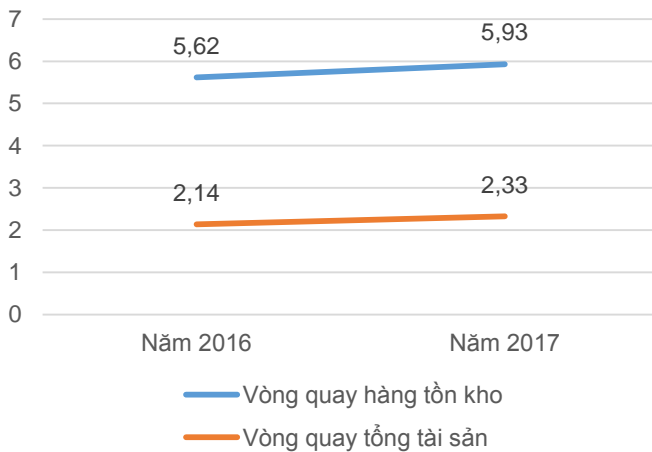


## Cơ cấu vốn



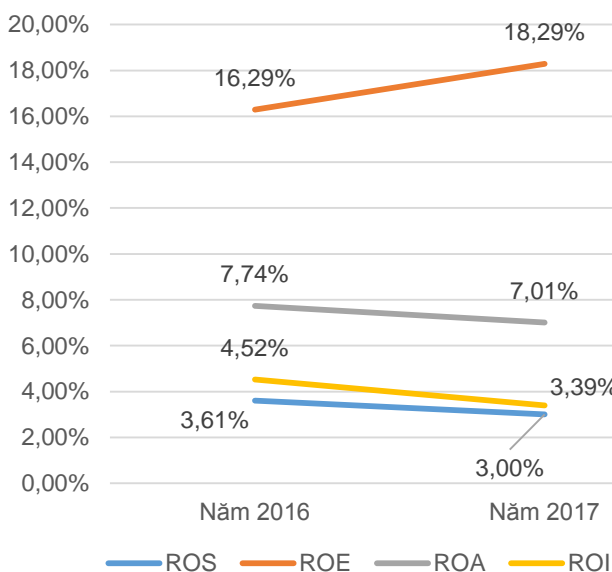
**Về cơ cấu vốn:** Tổng nợ trong năm 2017 của Công ty tăng mạnh, với khoản tăng của nợ ngắn hạn đã đề cập như trên và nợ dài hạn tăng 903,60%, tăng từ 1,95 tỷ đồng lên 19,55 tỷ đồng. Chủ yếu các khoản vay dài hạn nhằm để phục vụ mục đích đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị để tăng khả năng sản xuất của Công ty, cụ thể: thanh toán tiền nhập khẩu máy in, thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 3, ... Vì vậy, các Hệ số nợ/Tổng tài sản cũng như Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu trong năm tăng mạnh, do Công ty đang sử dụng nguồn vốn vay nhiều hơn để đầu tư các dự án, dây chuyền để tăng hiệu quả và năng suất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

## Năng lực hoạt động



**Về năng lực hoạt động:** Công ty luôn theo dõi hàng tồn kho để sẵn sàng cung ứng khi ký kết các hợp đồng, các mặt hàng còn tồn kho nhiều sẽ ưu tiên xuất trước và sản xuất ở mức vừa đủ để không bị dồn ứ, hao tổn chi phí lưu kho. Ngược lại, các mặt hàng bán chạy sẽ đẩy nhanh việc sản xuất nắm bắt một cách triệt để nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Do đó, hiệu quả và năng suất của Công ty ngày càng được cải thiện, thể hiện qua vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản tăng trong năm vừa qua.

## Khả năng sinh lời



**Về khả năng sinh lời:** Các dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị, dây chuyền của Công ty vừa mới hoàn thành, đưa vào sử dụng, chưa hoàn toàn vận dụng hết công suất cũng như hiệu quả trong hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, chi phí từ khấu hao và lãi vay đã bắt đầu ghi nhận, nên dẫn đến các Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA), Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) và Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần có phần sụt giảm. Tuy nhiên, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) – thể hiện khả năng sinh lời trên mỗi đồng vốn đầu tư của cổ đông (chủ sở hữu) vẫn được đảm bảo và tăng trưởng.



# PMP

## Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 20/12/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>135</b>	<b>4.096.300</b>	<b>40.963.000.000</b>	<b>97,53%</b>
1	Cổ đông nhà nước	0	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	3	3.500.300	35.003.000.000	83,34%
3	Cổ đông cá nhân	132	596.000	5.960.000.000	14,19%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6</b>	<b>103.700</b>	<b>1.037.000.000</b>	<b>2,47%</b>
1	Cá nhân	4	102.500	1.025.000.000	2,44%
2	Tổ chức	2	1.200	12.000.000	0,03%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>141</b>	<b>4.200.000</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%

**BÁO CÁO THƯƠNG HIỆU 2017**



### Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**Các chứng khoán khác:** Không có.





Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Trong năm 2017, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường như sau:

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tỷ lệ phế phẩm hàng năm là 5.6%, trong đó phế phẩm được tái sinh là 80%. Tuy tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế còn thấp nhưng cũng cho thấy sự ý thức của Công ty đối với việc tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu. Với ngành nghề sản xuất bao bì như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.  
Tổng điện năng tiêu: 6.250.000 kW/năm trong đó:
  - Tiêu thụ điện cho sản xuất: 5.900.000 kW/năm
  - Tiêu thụ gián tiếp: 350.000 kW/năm
- Đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm, Công ty chú ý đề ra các biện pháp như hưởng ứng giờ trái đất, chương trình tập huấn, hội thảo để cung cấp những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm...tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

### Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 28.900 m<sup>3</sup> trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:

- Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
- Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
- Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
- Các biện pháp khác.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

*Công ty luôn tuân thủ pháp luật môi trường và đề ra các biện pháp như sau:*

- Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- Vận hành các xưởng, nhà máy phù hợp theo quy định về môi trường của Chính phủ. Hướng ứng các sáng kiến của Chính phủ về thúc đẩy việc bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.
- Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, cử cán bộ nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề, các chỉ tiêu về môi trường để có thể chuyên môn hóa, hiểu biết đúng về các biện pháp hạn chế phát thải, phân tích môi trường xung quanh và đưa ra các hướng giải quyết khi có các vấn đề xảy ra một cách kịp thời.



### Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động năm 2017 là 505 người với mức thu nhập bình quân 7,25 triệu đồng/người/tháng.
- Về các chính sách khác: Công ty có 1 cán bộ y tế hàng ngày chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), ngoài ra mỗi năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó Công ty duy trì chế độ ăn ca 30.000đ/suất ăn, duy trì bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty duy trì hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát hàng năm với số tiền bình quân 3 triệu đồng/người.
- Hoạt động đào tạo người lao động chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Ngoài ra, hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị.
- Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng đào tạo những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất.





*“Sản xuất kinh doanh  
đi đôi với thực hiện trách nhiệm cộng đồng”*







- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

---

# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---



PMP

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2017	TH 2017	% TH/KH
1	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
-	Dòng bao truyền thống	Triệu bao	58	51,5	89%
-	Dòng bao Jumbo	Nghìn bao	356	419	118%
2	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
-	Dòng bao truyền thống	Triệu bao	58	56,3	97%
-	Dòng bao Jumbo	Nghìn.bao	356	423	119%
3	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	400	399,56	100%
4	<b>Tổng chi phí</b>	Tỷ đồng	386	384,1	99%
5	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	13,8	15,46	112%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	10,9	11,9	109%
7	<b>Nộp NSNN</b>	Tỷ đồng	13,8	15,235	110%
8	<b>Lao động bình quân</b>	Người	542	505	93%
9	<b>Quỹ lương</b>	Tỷ đồng	47,4	43,94	93%
10	<b>Đầu tư XDCB và Mua sắm</b>	Tỷ đồng	42,93	38,55	90%
11	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	%	17%	17%	100%

### **Biến động giá nguyên vật liệu**

Giá nguyên vật liệu đầu vào tuy có biến động ở quý 1 nhưng ổn định đến cuối quý 4, việc chào giá cho khách hàng cũng giữ được lâu hơn.

### **Tổ chức sản xuất sản phẩm mới**

Gặp nhiều khó khăn: Do sản phẩm Jumbo có nhiều chủng loại, mẫu mã, công đoạn nên việc phối hợp nhịp nhàng, khoa học giữa các công đoạn, bộ phận gặp rất nhiều khó khăn.

### **Sản phẩm**

- Dòng bao truyền thống tương đối ổn định, giữ vững thị trường.
- Riêng dòng bao túi xách siêu thị sức cạnh tranh thấp do tất cả các nguyên vật liệu đều phải mua ngoài, vị trí địa lý cách xa các nhà may gia công dẫn đến chi phí sản xuất vận chuyển cao hơn các đối thủ cạnh tranh. Do đó Công ty chủ động giảm sản lượng đối với mặt hàng này.
- Đối với dòng bao jumbo, sản lượng tăng dần do Công ty đã tạo dựng được niềm tin với một số khách hàng lớn. Hiện sản lượng các đơn hàng đã vượt năng lực may tại xưởng. Công ty tiếp tục tiếp nhận những đơn hàng lớn để giữ thị trường, phân hụt năng lực sản xuất theo công đoạn được chủ động tính toán gia công.

### **Công nghệ và thiết bị**

Sau 14 năm hoạt động, máy móc đã thể hiện nhiều hư hỏng khó sửa chữa, cải tạo dẫn đến năng suất giảm đồng thời có 1 khoảng cách tụt hậu lớn về thiết bị và công nghệ so với mặt bằng hiện tại. Trong năm 2017, Công ty cũng đã đầu tư thay thế 28 máy dệt.

### **Biến động nhân lực lớn**

Khó thu hút và giữ được nguồn nhân lực chuyên môn giỏi, tay nghề cao. Tình trạng biến động lao động thường xuyên hàng năm khoảng 15 - 20%.



PMP

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	94.133	119.659	27,12%	65,88%	60,78%
Tài sản dài hạn	48.759	77.216	58,36%	34,12%	39,22%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>142.893</b>	<b>196.875</b>	<b>37,78%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Trong năm 2017, tổng tài sản của Công ty tăng 37,78%, với cơ cấu có sự thay đổi, tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm từ 65,88% xuống còn 60,78% và ngược lại, tỷ trọng tài sản dài hạn tăng từ 34,12% lên 39,22%.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn trong năm vừa qua tăng 27,12%, tương đương 25,5 tỷ đồng. Trong đó, sự đóng góp chính đến từ 2 khoản mục khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Đối với các khoản phải thu ngắn hạn, khoản tăng trong năm đến từ phải thu khách hàng của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và Công ty TNHH Công nghiệp Bao CP (Việt Nam). Ngoài ra, khoản tăng nguyên vật liệu trong kỳ là nguyên nhân dẫn đến giá trị hàng tồn kho tăng trong năm.

Cơ cấu tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2017 tăng mạnh, tăng 58,36% so với năm 2016. Cụ thể là khoản mục tài sản cố định của Công ty tăng 36,05 tỷ đồng, mà nguyên do chính đến từ việc đầu tư Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo và được điều chỉnh tăng vốn ngày 11/11/2016 với tổng mức đầu tư là 33.140.000.000đồng đã đầu tư xong trong năm 2017 và ghi nhận giá trị vào khoản mục.



## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	76.742	111.411	45,18%	97,52%	85,07%
Nợ dài hạn	1.948	19.553	903,60%	2,48%	14,93%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>78.690</b>	<b>130.964</b>	<b>66,43%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Tổng nợ năm 2017 tăng 66,43%, mức tăng tương đối mạnh so với năm 2016. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 45,18% do việc tăng phải trả người bán mà chủ yếu từ đối với các đơn vị NH International Corp, VINOMIG Singapore PTE., Ltd và Công ty TNHH MTV nhựa Châu Âu Nghệ An. Bên cạnh đó, đóng góp một phần vào mức tăng của nợ ngắn hạn đến từ khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động của Công ty trong năm. Nợ dài hạn trong năm 2017 tăng 903,60%, tăng tương 1,95 tỷ đồng lên 19,55 tỷ đồng. Chủ yếu các khoản vay dài hạn nhằm để phục vụ mục đích đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị để tăng khả năng sản xuất của Công ty, cụ thể: thanh toán tiền nhập khẩu máy in, thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 3,...



# PMP

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

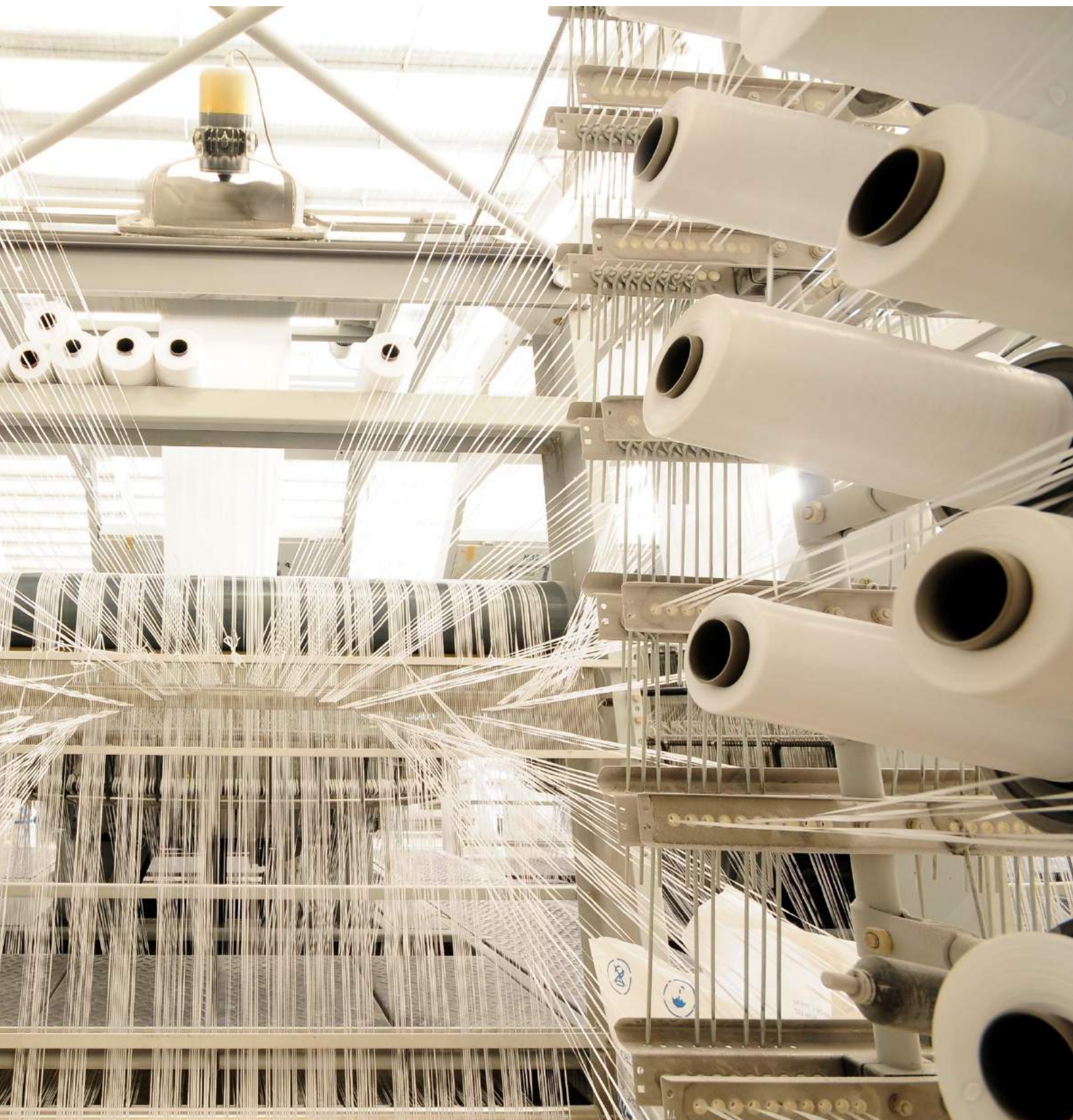
Công ty đã bước vào được thị trường sản phẩm mới và có được lượng khách hàng nhất định.

Công ty đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức sản phẩm mới sau một năm trải nghiệm.

Đã đầu tư được thiết bị và hạ tầng đồng bộ phù hợp dòng sản phẩm.











**PMP**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ Kế hoạch 2018/Thực hiện 2017
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất và tiêu thụ</b>				
-	Dòng bao truyền thống	Triệu bao	56,3	60	107%
-	Dòng bao Jumbo	Nghìn.bao	423	500	118%
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>399,56</b>	<b>436</b>	<b>109%</b>
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>384,1</b>	<b>423</b>	<b>110%</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>15,46</b>	<b>12,5</b>	<b>81%</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,9</b>	<b>9,99</b>	<b>84%</b>
<b>6</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>15,2</b>	<b>23</b>	<b>151%</b>
<b>7</b>	<b>Lao động BQ</b>	<b>Người</b>	<b>505</b>	<b>556</b>	<b>110%</b>
<b>8</b>	<b>Quý lương</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>43,94</b>	<b>51,35</b>	<b>117%</b>
<b>9</b>	<b>Đầu tư XDCB và Mua sắm</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>38,55</b>	<b>21,34</b>	<b>55%</b>
<b>10</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>17%</b>	<b>17%</b>	<b>100%</b>



*“Quản lý và vận hành nhà máy*

*An toàn*

*Hiệu quả”*



## Mục tiêu trọng tâm trong năm 2018

Sản xuất và tiêu thụ đạt 60 triệu bao bì truyền thống và 0,5 triệu bao bì Jumbo.



Tổ chức sản xuất, vận hành có hiệu quả Dự án bao bì Jumbo.



01

02

03

04

Tập trung khai thác thị trường Nhật và Châu Âu đối với dòng sản phẩm mới là Bao bì Jumbo.



Đảm bảo quyền lợi người lao động và lợi ích cổ đông.



## Biện pháp triển khai thực hiện

### **Công tác kinh doanh**

**Công tác dự báo thị trường:** Dự báo giá nguyên vật liệu chính xác và kịp thời. Công tác lập và thực hiện bám sát mục tiêu kế hoạch.

**Nhân lực bán hàng:** Đào tạo đội ngũ bán hàng xuất khẩu chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt.

**Marketing:** Tăng cường mở rộng khách hàng mới, giữ khách hàng cũ. Tập trung thị trường trọng điểm là Nhật và Châu Âu.

### **Công tác quản lý vốn và chi phí**

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng ngừa rủi ro về tài chính.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất để đánh giá hiệu quả kịp thời.
- Tăng cường công tác đánh giá, phân tích hiệu quả tài chính của các phương án kinh doanh.
- Cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với tình hình SXKD của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

### **Đẩy mạnh công tác đầu tư mới**

- Đầu tư tiếp Dự án jumbo giai đoạn mở rộng để khai thác hết công suất thiết bị hiện có.

### **Công tác kỹ thuật công nghệ và sản xuất**

- Nắm vững kỹ thuật công nghệ sản xuất sản phẩm mới. Cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm truyền thống.
- Kiểm soát chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng/lỗi/phế.
- Sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị để vận hành ổn định, hiệu suất cao

### **Công tác tổ chức – hành chính**

- Đổi mới công tác tuyển dụng, cho người đến các địa phương để đưa lao động đến tận nơi sản xuất, đồng thời có chính sách hỗ trợ chỗ ăn ở, đi lại cho người lao động. Song song công tác tuyển dụng, Công ty tăng cường mở rộng mạng lưới gia công may hoặc ký kết hợp tác kinh doanh với các đối tác để giảm bớt khó khăn về lao động.
- Tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng, hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu chuyên môn, kỹ năng đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm, tăng cường tổ chức đào tạo, tái đào tạo nội bộ, trao đổi kinh nghiệm, tích cực đào tạo ngoại ngữ cho các chức danh cần thiết, chuẩn bị nhân sự cho các bộ phận còn thiếu.
- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế lương, thưởng theo năng lực, hiệu quả để đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động.

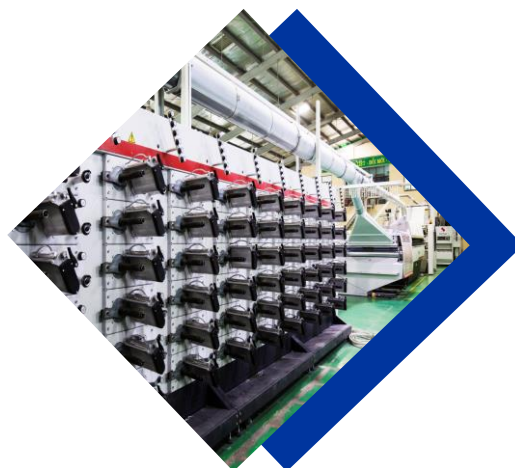




# PMP

## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.









- **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD Công ty**
- **Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

---

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---



**PMP**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**



**VỀ CƠ CẤU VỐN GÓP VÀ NHÂN SỰ THÀNH VIÊN HĐQT**

**Cơ cấu vốn vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 43,34% VDL

Công ty TNHH Hương Phong: 40% VDL

Cổ đông nhỏ khác nắm giữ: 16,66% VDL

**Nhân sự thành viên HĐQT không thay đổi trong năm 2017**



## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Bước vào năm 2017, mặc dù nền kinh tế trong nước có sự khởi sắc ở hầu hết các ngành, tuy nhiên ngành dầu khí Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức do giá dầu thế giới bất ổn, đồng thời với nhiều nguồn năng lượng mới phát triển, do vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với định hướng phát triển thêm dòng sản phẩm chủ đạo là sản phẩm Bao bì Jumbo, tuy nhiên, tốc độ mở rộng sản xuất còn chậm nên làm giảm mức độ cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân, có khả năng quyết sách rất nhanh các định hướng kịp xu thế. Điểm sáng trong việc triển khai dòng sản phẩm mới là Công ty đã tạo dựng được uy tín với các khách hàng, đã có nguồn hàng lớn và tương đối ổn định. Dây chuyền bao Jumbo Công ty được đầu tư cuối năm 2016 đến nay tại công đoạn dệt và may đã khai thác hết công suất. Đây là cơ sở để Công ty thúc đẩy nhanh hoạt động xúc tiến đầu tư Dự án mở rộng dây chuyền sản xuất bao Jumbo của Công ty trong năm 2018 này nhằm sớm khai thác hết công suất máy tạo sợi.

Đối với dòng bao truyền thống, Công ty duy trì năng lực sản xuất như hiện tại, đồng thời thực hiện các biện pháp tăng năng suất để tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu gia tăng sản lượng cung cấp ra ngoài thị trường.

Riêng dòng túi bao siêu thị, Công ty chủ động giảm sản lượng do đánh giá khả năng cạnh tranh thấp so với các đối thủ trong ngành tại các địa điểm thuận lợi về điều kiện lao động.

**Đánh giá kết quả triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:** Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.



# PMP

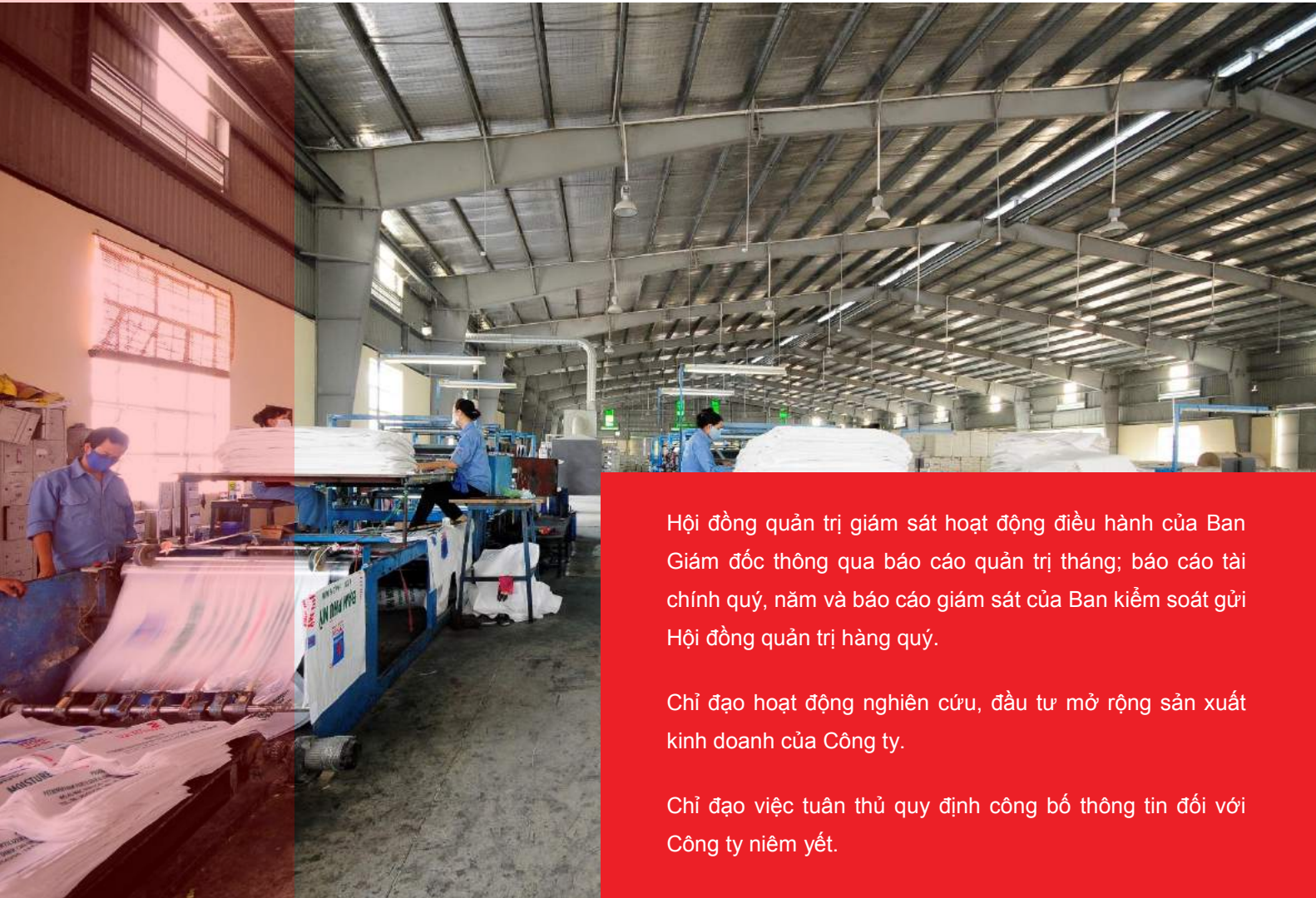
## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc



Hội đồng quản trị cho ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hàng quý và thông qua việc cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh chưa đến mức cần thiết phải tổ chức cuộc họp, đồng thời yêu cầu Ban điều hành báo cáo kết quả triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trong quá trình điều hành công việc.







Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc thông qua báo cáo quản trị tháng; báo cáo tài chính quý, năm và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát gửi Hội đồng quản trị hàng quý.

Chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo việc tuân thủ quy định công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.





# PMP

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tổ chức công việc của Hội đồng quản trị theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.



- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, định hướng đến 2030.
- Chỉ đạo nghiên cứu đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư phát triển dòng sản phẩm mới.
- Nghiên cứu đầu tư phát triển ngành công nghiệp phụ trợ đón đầu Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn.
- Giám sát hoạt động điều hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.



Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau.

- Bao bì truyền thống : 60 triệu bộ bao bì;
- Bao Jumbo : 500 nghìn bộ bao;
- Doanh thu : 436 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 12,5 tỷ đồng;
- Tỷ lệ chia cổ tức : 17%.
- Đầu tư mua sắm : 21,43 tỷ đồng

Tiếp tục cử đoàn công tác đi nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới ở trong và ngoài nước.

Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.









**PVFCO**  
**PACKAGING**



**Hội đồng quản trị**



**Ban kiểm soát**



**Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

---

**BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---



**PMP**

## Hội đồng quản trị

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số hiệu văn bản	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	13/01/2017	NQ Hợp HĐQT quý 1 năm 2017
2	03B/NQ-HĐQT	04/04/2017	NQ Hợp HĐQT quý 2 năm 2017
3	08/NQ-HĐQT	24/04/2017	NQ thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế với người có liên quan
4	10/NQ-HĐQT	17/05/2017	NQ chấp thuận cho Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng tăng hạn mức tín dụng
5	12/NQ-HĐQT	30/05/2017	QĐ ông Phạm Ngọc Thiệp thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty
6	14/NQ-HĐQT	26/06/2017	NQ thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.
7	16/NQ-HĐQT	20/07/2017	NQ Hợp HĐQT quý 3 năm 2017
8	18/NQ-HĐQT	31/10/2017	NQ Hợp HĐQT quý 4 năm 2017
9	178/QĐ - BBĐPM	28/11/2017	Quyết định của HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2018





## Các nội dung chỉ đạo thực hiện

- Chỉ đạo Ban Điều hành hoàn thiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 để trình phê duyệt.
  - Đẩy mạnh phát triển thị trường dòng sản phẩm Jumbo để khai thác hết công suất máy dệt, đồng thời có cơ sở đẩy nhanh đầu tư Dự án mở rộng.
    - Xây dựng các phương án tăng vốn Điều lệ có lộ trình thực hiện của từng phương án để trình đề xuất với các bên chủ sở hữu vốn.
      - Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước và của Công ty về việc thanh lý tài sản cố định (trong năm Công ty đã tiến hành thanh lý hệ thống máy dệt nhỏ và máy in bao xi măng và đã đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan).
      - Nghiên cứu đề xuất việc thành lập cơ sở sản xuất/công ty con/chi nhánh hoặc góp vốn đầu tư/mua lại các cơ sở sản xuất tại vùng có chi phí nhân công thấp, nguồn cung nhân lực không bị cạnh tranh.
      - Hoàn thiện báo cáo khả thi Dự án mở rộng sản xuất bao bì Jumbo để đại diện vốn của các cổ đông lớn trình chủ sở hữu về kế hoạch huy động vốn.
      - Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2018.

- Tiếp tục có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân sự được quy hoạch để thực hiện việc bổ nhiệm vào các chức danh bị khuyết trong Ban Giám đốc theo quy chế quản lý cán bộ của Công ty.
- Nghiên cứu và xây dựng các kịch bản về định hướng đầu tư để khai thác 2 ha đất trống và các phương án huy động vốn.





## Các nội dung được thông qua

- ✓ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.
- ✓ Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
- ✓ Thông qua hạn mức công nợ phải thu hàng quý
- ✓ Ra quyết định thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Phạm Ngọc Thiệp.
- ✓ Chấp thuận việc điều chỉnh hạn mức tín dụng từ 70 tỷ lên mức 95 tỷ với Ngân hàng Ngoại thương.
- ✓ Thông qua bảng tiêu chuẩn chức danh Ban điều hành.
- ✓ Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, kết quả năm 2017.
- ✓ Thông qua Báo cáo quyết toán Dự án mở rộng giai đoạn 3 – Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.
- ✓ Thông qua phương án tăng vốn bằng hình thức chào bán cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu. Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu.
- ✓ Thông qua đề xuất đổi hạng mục thực hiện đầu tư mua sắm không làm thay đổi tổng mức đầu tư mua sắm trong kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2017.








- ✓ Chấp thuận việc sử dụng vốn vay trong phạm vi Hợp đồng vay vốn trung hạn 10,21 tỷ đồng của các hạng mục đầu tư máy dệt nông sản, máy cuốn cuộn đã làm thay đổi cơ cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay so với kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2017 được duyệt.
- ✓ Thông qua việc ký kết Hợp đồng với người có liên quan. Trong năm 2017, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với Người có liên quan là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí các Hợp đồng bán bao chứa phân bón và ký Hợp đồng với cổ đông là Công ty TNHH Hương Phong, trong đó Công ty thực hiện ký kết với Công ty con là Công ty TNHH Logistic CEA Hương Phong thực hiện các hợp đồng cho thuê lại phần đất trống Công ty chưa có nhu cầu sử dụng, hợp đồng vận chuyển.
- ✓ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 là đơn vị TNHH Deloitte Việt Nam.
- ✓ Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2017; tuân thủ đầy đủ các nội dung yêu cầu công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết; chia cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua.
- ✓ Cử đoàn công tác của Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài phục vụ nghiên cứu, triển khai các Dự án đầu tư mới.
- ✓ Hoàn thành báo cáo quản trị công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.






**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**



**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị**







Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2017, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cụ thể cho các thành viên theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Đồng thời, từng thành viên có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, giám sát, Hội đồng quản trị họp thống nhất và ra quyết định.





# PMP

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị đóng góp ý kiến về các vấn đề báo cáo khả thi và thủ tục triển khai của dự án đầu tư giai đoạn 03, hạn mức công nợ, nợ quá hạn, quản lý hàng tồn kho, nguồn vốn phục vụ đầu tư mua sắm.

Hàng quý Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị kịp thời để nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.

Trong năm 2017, hàng quý Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp để thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát hàng quý và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động cũng như tình hình tài chính của Công ty.

Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017.

Trong năm 2017 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

### Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

Nhìn chung, BCTC của Công ty đã phản ánh trung thực trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2017 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	%TH/KH
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>				
-	Dòng bao truyền thống	Triệu bao	58	51,5	89%
-	Dòng bao Jumbo	Nghìn bao	356	419	118%
<b>2</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
-	Dòng bao truyền thống	Triệu bao	58	56,3	97%
-	Dòng bao Jumbo	Nghìn bao	356	423	119%
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>400</b>	<b>399,6</b>	<b>100%</b>
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>386</b>	<b>386,1</b>	<b>99%</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13,8</b>	<b>15,5</b>	<b>112%</b>
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10,9</b>	<b>11,9</b>	<b>109%</b>
<b>7</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>17%</b>	<b>17%</b>	<b>100%</b>
<b>8</b>	<b>Thuế và các khoản phải nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13,8</b>	<b>15,235</b>	<b>110%</b>
<b>9</b>	<b>Lao động BQ</b>	<b>Người</b>	<b>542</b>	<b>505</b>	<b>93%</b>
<b>10</b>	<b>Quỹ lương</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>47,4</b>	<b>43,94</b>	<b>93%</b>
<b>11</b>	<b>Đầu tư XDCB và Mua sắm</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>42,93</b>	<b>38,55</b>	<b>90%</b>

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017, chỉ tiêu về sản xuất bị ảnh hưởng do phải sắp xếp quy hoạch lại nhà xưởng cũng như áp lực cạnh tranh của dòng bao túi xách siêu thị, Công ty đã cân đối dịch chuyển theo hướng tăng dần sản xuất dòng bao jumbo nên chỉ tiêu về sản lượng sản xuất của dòng bao truyền thống chưa đạt được như kỳ vọng. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về kinh doanh như sản lượng kinh doanh, tổng doanh thu đều bám sát và hoàn thành kế hoạch năm cộng thêm việc thanh lý máy móc thiết bị hết khấu hao và không có nhu cầu sử dụng nên công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 9% so với kế hoạch đặt ra.







### **Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban GD:**

Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên đã được phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 thông qua, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp và các lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của công ty.

Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2017 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho các cổ đông

### **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.



### Kiến nghị

Kiểm soát và thu hồi các khoản công nợ quá hạn;

Thường xuyên đánh giá rủi ro liên quan đến các dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý dòng tiền.









## Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành, hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

### Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm được đánh giá cao trong lĩnh vực kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018.



PETROVIETNAM FERTILIZER  
AND CHEMICALS CORPORATION  
**DAM PHU MY**  
**PACKAGING**  
JOINT STOCK COMPANY







- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017





Số: 572 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2737-2018-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>119.659.214.609</b>	<b>94.133.218.775</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.139.099.382</b>	<b>2.736.365.805</b>
1. Tiền	111	4	3.139.099.382	2.736.365.805
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.531.218.478</b>	<b>37.761.927.863</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	34.683.311.900	31.111.023.095
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	9.656.910.461	2.735.019.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.190.996.117	3.915.884.858
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>65.546.686.720</b>	<b>51.540.671.283</b>
1. Hàng tồn kho	141		65.546.686.720	51.540.671.283
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.442.210.029</b>	<b>2.094.253.824</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.927.623.157	1.401.104.059
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.514.586.872	693.149.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77.215.798.115</b>	<b>48.759.405.836</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.119.392.604</b>	<b>39.074.075.231</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	75.119.392.604	39.074.075.231
- Nguyên giá	222		129.926.268.149	96.416.041.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.806.875.545)	(57.341.965.965)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>901.430.375</b>	<b>9.024.194.114</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		901.430.375	9.024.194.114
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.191.975.136</b>	<b>658.136.491</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.191.975.136	658.136.491
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>196.875.012.724</b>	<b>142.892.624.611</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>130.963.994.893</b>	<b>78.689.786.112</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.411.407.971</b>	<b>76.741.540.812</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	36.886.075.699	12.118.315.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385.856.060	1.259.635.364
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	919.191.772	803.492.461
4. Phải trả người lao động	314		6.198.233.270	5.720.105.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.508.388.413	1.370.947.691
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	28.125.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.090.874.066	826.396.062
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	62.891.622.132	54.096.292.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		531.166.559	518.229.807
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.552.586.922</b>	<b>1.948.245.300</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	12	19.552.586.922	1.948.245.300
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.911.017.831</b>	<b>64.202.838.499</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>65.911.017.831</b>	<b>64.202.838.499</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.514.016.651	6.961.779.899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.694.211.484	10.538.268.904
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		93.795.400	190.023.890
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.600.416.084	10.348.245.014
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>196.875.012.724</b>	<b>142.892.624.611</b>



**Phạm Thị Thúy Hằng**  
Người lập biểu



**Cao Vĩnh Hậu**  
Kế toán trưởng


**Trần Anh Tú**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	<b>397.195.826.945</b>	<b>286.393.895.841</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.085.127.876	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>396.110.699.069</b>	<b>286.393.895.841</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	347.340.229.647	245.138.409.939
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>48.770.469.422</b>	<b>41.255.485.902</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		673.374.780	194.458.026
7. Chi phí tài chính	22		4.616.707.310	3.048.291.962
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.347.144.806	2.833.600.494
8. Chi phí bán hàng	25	18	9.621.669.760	7.777.631.394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	21.759.054.207	17.679.672.473
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>13.446.412.925</b>	<b>12.944.348.099</b>
11. Thu nhập khác	31		2.779.328.161	177.195.426
12. Chi phí khác	32		764.789.561	98.337.174
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.014.538.600</b>	<b>78.858.252</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>15.460.951.525</b>	<b>13.023.206.351</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.560.535.441	2.674.961.337
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>11.900.416.084</b>	<b>10.348.245.014</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>19</b>	<b>2.408</b>	<b>2.047</b>

  
**Phạm Thị Thúy Hằng**  
 Người lập biểu

  
**Cao Vĩnh Hậu**  
 Kế toán trưởng

  
**Trần Anh Tú**  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018




## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.460.951.525</b>	<b>13.023.206.351</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.333.379.458	5.901.624.515
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	128.354.557
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.738.291.899)	(12.838.175)
Chi phí lãi vay	06	4.347.144.806	2.833.600.494
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>25.403.183.890</b>	<b>21.873.947.742</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(10.590.727.722)	3.238.967.017
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(14.006.015.437)	(15.828.083.650)
Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.981.398.082	(1.149.709.137)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.060.357.743)	34.204.610
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.347.144.806)	(2.824.687.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.680.332.381)	(2.394.814.614)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.039.300.000)	(4.333.550.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.660.703.883</b>	<b>(1.383.725.683)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(36.255.933.092)	(13.501.380.245)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.729.100.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.191.899	12.838.175
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.517.641.193)</b>	<b>(13.488.542.070)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	283.117.998.627	189.910.288.032
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(256.718.327.740)	(169.243.084.624)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.140.000.000)	(7.560.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>19.259.670.887</b>	<b>13.107.203.408</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>402.733.577</b>	<b>(1.765.064.345)</b>
Tiền đầu năm	60	2.736.365.805	4.501.430.150
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.139.099.382	2.736.365.805

  
 Phạm Thị Thúy Hằng  
 Người lập biểu

  
 Cao Vĩnh Hậu  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Anh Tú  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 481 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 486 người).

#### **Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vở, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.





### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.





### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	197.809.940	215.052.258
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.941.289.442	2.521.313.547
	<b><u>3.139.099.382</u></b>	<b><u>2.736.365.805</u></b>

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	7.411.843.780	1.096.496.500
Công ty TNHH Công Nghiệp Bao CP (Việt Nam)	4.552.402.140	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	4.462.451.504	14.789.115.603
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Khiêm Nghị	3.551.344.500	2.395.470.000
Sackmaker J&HM Dickson Ltd	2.067.194.146	1.067.567.118
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	-	1.491.186.500
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	8.140.000
Các khách hàng khác	12.638.075.830	10.263.047.374
	<b><u>34.683.311.900</u></b>	<b><u>31.111.023.095</u></b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)</b>	<b><u>7.411.843.780</u></b>	<b><u>1.104.636.500</u></b>

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	8.206.789.621	-
Chi nhánh Công ty TNHH Xanh Dương	491.700.000	-
Công ty TNHH Thuận Thảo	-	1.050.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sinh Thịnh	-	228.800.000
Các khách hàng khác	958.420.840	1.456.219.910
	<b><u>9.656.910.461</u></b>	<b><u>2.735.019.910</u></b>



## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	1.054.186.900
Công ty TNHH Thương mại Kim Đức	1.308.308.644	-
Tạm ứng cho người lao động	671.524.658	2.306.040.214
Khác	156.975.915	555.657.744
	<b>3.190.996.117</b>	<b>3.915.884.858</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.415.857.400	-
Nguyên liệu, vật liệu	40.318.290.910	-	29.106.758.427	-
Công cụ, dụng cụ	153.473.938	-	135.093.059	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.496.810.174	-	14.699.511.538	-
Thành phẩm	7.918.913.177	-	4.993.502.488	-
Hàng hoá	659.198.521	-	189.948.371	-
<b>Cộng</b>	<b>65.546.686.720</b>	<b>-</b>	<b>51.540.671.283</b>	<b>-</b>

## 9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.027.288.451</b>	<b>61.680.636.193</b>	<b>2.578.638.476</b>	<b>129.478.076</b>	<b>96.416.041.196</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.574.855.587	39.054.054.565	-	-	41.628.910.152
Mua sắm mới	-	2.380.786.679	369.000.000	-	2.749.786.679
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.418.504.583)	(449.965.295)	-	(10.868.469.878)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.602.144.038</b>	<b>92.696.972.854</b>	<b>2.497.673.181</b>	<b>129.478.076</b>	<b>129.926.268.149</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.084.563.761</b>	<b>42.719.388.778</b>	<b>1.408.535.350</b>	<b>129.478.076</b>	<b>57.341.965.965</b>
Trích khấu hao trong năm	2.408.784.129	5.568.535.793	356.059.536	-	8.333.379.458
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.418.504.583)	(449.965.295)	-	(10.868.469.878)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.493.347.890</b>	<b>37.869.419.988</b>	<b>1.314.629.591</b>	<b>129.478.076</b>	<b>54.806.875.545</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	18.942.724.690	18.961.247.415	1.170.103.126	-	39.074.075.231
Tại ngày cuối năm	19.108.796.148	54.827.552.866	1.183.043.590	-	75.119.392.604



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 21.782.257.156 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 32.908.256.922 đồng).

Như trình bày ở Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp tài sản bao gồm toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 và một số thương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

## 10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
NH International Corp	13.088.852.400	13.088.852.400	-	-
VINOMIG Singapore PTE.,Ltd	8.354.431.800	8.354.431.800	-	-
Công ty TNHH MTV nhựa Châu Âu Nghệ An	3.174.897.000	3.174.897.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.434.020.716	1.434.020.716	1.185.997.283	1.185.997.283
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	368.901.060	368.901.060	512.785.850	512.785.850
Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	-	-	2.669.700.000	2.669.700.000
Công ty TNHH MTV Bao bì Nhựa Tân Ngọc Phát	-	-	87.177.200	87.177.200
Các nhà cung cấp khác	10.464.972.723	10.464.972.723	7.662.655.324	7.662.655.324
	<b>36.886.075.699</b>	<b>36.886.075.699</b>	<b>12.118.315.657</b>	<b>12.118.315.657</b>

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.175.404.163	13.175.404.163	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.785.306.744	1.785.306.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	775.571.973	3.560.535.441	3.680.332.381	655.775.033
Thuế thu nhập cá nhân	23.683.848	521.015.063	288.089.172	256.609.739
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Các loại thuế khác	4.236.640	286.014.307	283.443.947	6.807.000
<b>Cộng</b>	<b>803.492.461</b>	<b>19.336.275.718</b>	<b>19.220.576.407</b>	<b>919.191.772</b>



## 12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	56.044.538.167	56.044.538.167	283.117.998.627	256.718.327.740	82.444.209.054	82.444.209.054
- Vay ngắn hạn	54.096.292.867	54.096.292.867	257.551.754.162	248.756.424.897	62.891.622.132	62.891.622.132
- Vay dài hạn	1.948.245.300	1.948.245.300	25.566.244.465	7.961.902.843	19.552.586.922	19.552.586.922
<b>Cộng</b>	<b>56.044.538.167</b>	<b>56.044.538.167</b>	<b>283.117.998.627</b>	<b>256.718.327.740</b>	<b>82.444.209.054</b>	<b>82.444.209.054</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	54.096.292.867				62.891.622.132	
Số phải trả sau 12 tháng	1.948.245.300				19.552.586.922	

### Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2016-BBĐPM/HDHM ngày 06 tháng 01 năm 2016 với hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ, với tiền lãi phải trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 và xe ô tô Toyota Fortuner V mang biển số 72L-4203. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 57.809.686.769 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 494.165.300 đồng.





- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-ĐTDA/HĐTD/BBĐPM ngày 02 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay tương đương 18.580.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 3. Lãi suất áp dụng là lãi suất LIBOR kỳ hạn 0+2,8%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ sáu (6) tháng xuất hiện trên Trang LIBOR01 Màn hình Reuters vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ London). Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng Thế chấp máy móc thiết bị số 01/2016-HĐBBĐ/BBĐPM, theo đó khoản vay sẽ được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trên. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 660.891 USD tương đương 14.979.103.930 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-TDH/BBĐPM ngày 28 tháng 4 năm 2017 với hạn mức cho vay là 9.161.253.055 đồng, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì. Lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.161.253.055 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	5.081.935.677	1.320.435.566
Trong năm thứ hai	4.516.517.322	494.165.300
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.539.551.965	1.454.080.000
Sau năm năm	2.496.517.635	-
	<b>24.634.522.599</b>	<b>3.268.680.866</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(5.081.935.677)	(1.320.435.566)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>19.552.586.922</b>	<b>1.948.245.300</b>



### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>5.294.813.521</b>	<b>10.883.956.647</b>	<b>62.881.559.864</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.348.245.014	10.348.245.014
Trích lập các quỹ	-	-	1.666.966.378	(1.666.966.378)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.466.966.379)	(1.466.966.379)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.560.000.000)	(7.560.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>6.961.779.899</b>	<b>10.538.268.904</b>	<b>64.202.838.499</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>6.961.779.899</b>	<b>10.538.268.904</b>	<b>64.202.838.499</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.900.416.084	11.900.416.084
Trích lập các quỹ	-	-	1.552.236.752	(1.552.236.752)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.052.236.752)	(3.052.236.752)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>4.702.789.696</b>	<b>8.514.016.651</b>	<b>10.694.211.484</b>	<b>65.911.017.831</b>

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Điều hành với số tiền lần lượt là 1.552.236.752 đồng và 1.752.236.752 đồng từ lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Đồng thời, Công ty tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 với số tiền 1.300.000.000 đồng. Lợi nhuận năm 2017 trích Quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ được Đại hội đồng Công ty phê duyệt tại phiên họp Đại hội đồng thường niên năm 2018 của Công ty.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

#### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:



Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	Giá trị VND	Giá trị VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.410.000.000	50,98%	18.203.000.000	18.203.000.000
Công ty TNHH Hương Phong	20.580.000.000	49,00%	16.800.000.000	16.800.000.000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10.000.000	0,02%	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	-	0,00%	6.987.000.000	6.987.000.000
	<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>

#### Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017, cổ tức năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.140.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức được phê duyệt nêu trên cho các cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ nêu trên, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2017 là 17% vốn điều lệ, Công ty chưa ghi nhận số cổ tức này.

#### 14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 16.

#### 15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	350.094.869.056	253.077.187.945
Doanh thu bán hàng hóa	46.607.165.540	32.036.059.828
Doanh thu khác	493.792.349	1.280.648.068
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>397.195.826.945</b>	<b>286.393.895.841</b>
Hàng bán bị trả lại	(1.085.127.876)	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>396.110.699.069</b>	<b>286.393.895.841</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)</b>	<b>197.901.423.120</b>	<b>147.159.146.794</b>



## 16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn bán thành phẩm	302.554.616.415	213.182.632.897
Giá vốn bán hàng hóa	44.337.767.303	30.684.740.799
Giá vốn khác	447.845.929	1.271.036.243
	<b><u>347.340.229.647</u></b>	<b><u>245.138.409.939</u></b>

## 17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236.886.753.117	161.277.468.016
Chi phí nhân công	59.172.345.961	48.217.331.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.333.379.458	5.901.624.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.092.262.718	26.814.554.309
Chi phí khác bằng tiền	566.935.866	1.282.182.801
	<b><u>340.051.677.120</u></b>	<b><u>243.493.160.664</u></b>

## 18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí vật liệu, bao bì	240.581.659	1.347.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.355.062.975	7.306.242.420
Chi phí bằng tiền khác	26.025.126	470.041.732
	<b><u>9.621.669.760</u></b>	<b><u>7.777.631.394</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.998.049.353	8.905.679.722
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.082.685	248.149.250
Chi phí khấu hao TSCĐ	821.405.225	805.144.300
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.919.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.357.063.301	6.995.074.734
Chi phí bằng tiền khác	479.453.643	719.704.920
	<b><u>21.759.054.207</u></b>	<b><u>17.679.672.473</u></b>



## 19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>11.900.416.084</b>	<b>10.348.245.014</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (VND)	(1.785.062.413)	(1.752.236.752)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>10.115.353.671</b>	<b>8.596.008.262</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	4.200.000	4.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>2.408</b>	<b>2.047</b>

Công ty trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước theo số trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017.

## 20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.710.000.000	1.602.375.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	1.875.637.500	1.874.400.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.502.550.000	7.497.600.000
Sau năm năm	48.766.575.000	50.608.800.000
	<b>58.144.762.500</b>	<b>59.980.800.000</b>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m<sup>2</sup> tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

## 21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn
Các đối tượng liên quan khác	



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	197.660.198.120	98.952.586.040
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	39.468.685.289
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	7.587.077.465
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	76.153.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	241.225.000	22.770.000
Công ty TNHH Hương Phong	-	1.051.875.000
	<b>197.901.423.120</b>	<b>147.159.146.794</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	8.140.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.411.843.780	1.096.496.500
	<b>7.411.843.780</b>	<b>1.104.636.500</b>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.405.751.617	1.753.680.879



**Phạm Thị Thúy Hằng**  
Người lập biểu



**Cao Vĩnh Hậu**  
Kế toán trưởng



**Trần Anh Tú**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018





**CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

